

Số: 143 /2017/QC-HNCT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2017

QUY CHẾ

Làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội Người cao tuổi Việt nam khóa V, nhiệm kỳ 2016-2021

- Căn cứ Luật người cao tuổi;
- Căn cứ Điều lệ Hội Người cao tuổi (NCT) Việt Nam được Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định 972/QĐ-BNV ngày 24/3/2017;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội NCT Việt Nam lần thứ V và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa V;

Ban Chấp hành Trung ương Hội khoá V ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội NCT Việt Nam khoá V, nhiệm kỳ 2016 - 2021 như sau:

Chương I

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG HỘI

Điều 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương Hội

Ban Chấp hành Trung ương Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu, là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của Hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, các chủ trương công tác quan trọng của Hội và quyết định những vấn đề sau đây:

1. Cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội trong nhiệm kỳ và từng năm; triển khai thực hiện Điều lệ Hội; Xây dựng, củng cố tổ chức Hội các cấp, chăm sóc, phát huy vai trò NCT theo Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội;
2. Quyết định Chương trình công tác toàn khoá, hàng năm; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội; Quy chế làm việc của Ban Kiểm tra;
3. Quyết định chủ trương về hoạt động đối ngoại nhân dân, tham gia các tổ chức quốc tế vì lợi ích của Tổ quốc và của NCT;

4. Bầu các ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương Hội và các chức danh lãnh đạo khi khuyết;

5. Tổng kết và kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo hàng năm và cuối nhiệm kỳ theo Nghị quyết Đại hội; Xem xét báo cáo hàng năm và cuối nhiệm kỳ về hoạt động của Ban Kiểm tra Trung ương Hội;

6. Quyết định miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Trung ương Hội;

7. Quyết định phê bình, xóa tên ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Trung ương Hội khi vi phạm Điều lệ Hội;

8. Chuẩn bị nội dung, nhân sự, triệu tập Đại hội, lãnh đạo tổ chức Đại hội theo Quy định của Điều lệ Hội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội

Ban Thường vụ Trung ương Hội là cơ quan điều hành hoạt động của Ban Chấp hành giữa hai kỳ họp.

1. Cụ thể hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội V và Nghị quyết của Ban Chấp hành; Hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội;

2. Quyết định chủ trương, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Ban Chấp hành; Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình phối hợp của tổ chức Hội các cấp với cơ quan, đơn vị liên quan đến nội dung hoạt động của Hội;

3. Hướng dẫn thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có liên quan đến NCT và Hội NCT; báo cáo với Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành về thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển Hội theo quy định và theo yêu cầu;

4. Quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc của Trung ương Hội;

5. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi công tác đối với các chức danh: Trưởng ban, Phó Trưởng các ban, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng cơ quan Trung ương Hội; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc;

6. Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến tổ chức Hội, cán bộ, hội viên trong việc thực hiện Điều lệ Hội;

7. Thực hiện chức năng quản lý của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí trực thuộc Hội;

8. Hướng dẫn các cấp Hội về công tác thi đua, khen thưởng;

9. Giữ mối liên hệ với các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, thực hiện chế độ thông tin với các ủy viên Ban Chấp hành và Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội;

10. Chuẩn bị nội dung, triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội; Báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Hội về kết quả giải quyết giữa hai kỳ họp.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Trung ương Hội

Thường trực Trung ương Hội gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch, thay mặt Ban Thường vụ chỉ đạo thực hiện các công việc giữa hai kỳ họp.

1. Chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Trung ương Hội; chuẩn bị và triệu tập hội nghị thường kỳ hoặc bất thường của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Báo cáo kết quả công việc đã giải quyết giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ;

2. Chỉ đạo xây dựng các đề án, kế hoạch công tác, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác theo nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

3. Phối hợp với các ban, bộ, ngành, đoàn thể, các tỉnh, thành phố có liên quan trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao liên quan đến NCT và Hội NCT;

4. Tổ chức và điều hành hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn;

5. Hàng năm nghe báo cáo, cho ý kiến về tình hình tổ chức, cán bộ cơ quan Trung ương Hội và các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chấp hành

1. Tham gia vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo chung của Ban Chấp hành, đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Trung ương Hội về chủ trương, nội dung, hình thức, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ trong từng thời gian;

2. Tham gia ý kiến vào các đề án, văn bản dự thảo do Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội chuẩn bị, tham dự đầy đủ các phiên họp Ban Chấp hành Trung ương Hội; biểu quyết, chịu trách nhiệm lãnh đạo thực hiện những quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Hội;

3. Tuyên truyền chủ trương công tác về NCT và Hội NCT, nắm bắt tình hình, báo cáo kịp thời với Ban Thường vụ về những vấn đề mới nảy sinh trong hoạt động của Hội; tham gia xây dựng tổ chức, các hoạt động của Hội nơi cư trú;

4. Các ủy viên Ban Chấp hành là lãnh đạo các ban, Văn phòng Trung ương Hội phải giữ mối liên hệ thường xuyên với tổ chức Hội ở các địa phương được phân công theo dõi; giúp Ban Thường vụ theo dõi, hướng dẫn hoạt động, sơ kết, tổng kết từng lĩnh vực công tác Hội;

5. Các ủy viên Ban Chấp hành là lãnh đạo Hội địa phương phải giữ mối liên hệ thường xuyên với Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội và các ban Trung ương Hội để triển khai hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, định kỳ báo cáo với Trung ương Hội;

6. Các ủy viên Ban Chấp hành là lãnh đạo các ban, ngành, tổ chức, đoàn thể Trung ương phải giữ mối liên hệ thường xuyên với Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội; gắn với hoạt động của các ban Trung ương Hội theo sự phân công để đóng góp vào xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội;

7. Các ủy viên Ban Chấp hành là lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các đơn vị phối hợp phải bám sát nhiệm vụ của Trung ương Hội từng thời kỳ để triển khai hiệu quả hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò NCT, giữ mối liên hệ thường xuyên với các ban Trung ương Hội theo phân công để đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Hội;

8. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phân công, hoặc ủy nhiệm cho ủy viên Ban Chấp hành phụ trách giải quyết một số công việc cụ thể. Khi được ủy nhiệm, cần có kế hoạch, nghiên cứu đề xuất hoặc chỉ đạo xử lý vụ việc cụ thể, báo cáo kết quả với Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội;

9. Ủy viên Ban Chấp hành được quyền ứng cử, đề cử và bầu cử vào các chức danh do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu; được cung cấp những thông tin cần thiết liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội, được mời dự các kỳ họp mở rộng của Ban Thường vụ khi có yêu cầu; được góp ý, chất vấn về tổ chức, hoạt động của cơ quan Trung ương Hội, về trách nhiệm tập thể và các ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội;

10. Ủy viên Ban Chấp hành giải quyết công việc theo chức trách, cương vị công tác được giao, không lấy danh nghĩa Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ, trừ trường hợp được ủy quyền của Ban Thường vụ.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của ủy viên Ban Thường vụ

Ngoài việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, ủy viên Ban Thường vụ còn có nhiệm vụ:

1. Tham gia công tác chung của Ban Thường vụ; chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội về nhiệm vụ được phân công; định kỳ báo cáo với Thường trực về tiến độ công việc được phân công phụ trách;
2. Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, quyết định, chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội trong lĩnh vực, địa bàn được phân công;
3. Được phân công phụ trách các ban, đơn vị trực thuộc hoặc làm Chủ tịch, Trưởng Ban Đại diện Hội Người cao tuổi một số tỉnh, thành phố;
4. Tham gia sinh hoạt, thảo luận, biểu quyết các quyết định của Ban Thường vụ; đề xuất chủ trương, nội dung, giải pháp thực hiện các hoạt động của Hội;
5. Được Ban Thường vụ hoặc Thường trực ủy nhiệm giải quyết một số công việc cụ thể khi cần thiết.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện theo pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội; chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về hoạt động của Hội;
2. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;
3. Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;
4. Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; các văn bản báo cáo với Đảng, Nhà nước và các văn bản khác khi cần thiết;
5. Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Thường trực

1. Thay mặt Chủ tịch chỉ đạo, thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến NCT; kiểm tra và đôn đốc việc thực

hiện Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong các cấp Hội; đề xuất với Chủ tịch và Ban Thường vụ những vấn đề cần tập trung chỉ đạo;

2. Giúp Chủ tịch điều hành các hoạt động của Ban Thường vụ; giữ mối liên hệ với các ban, bộ, ngành cơ quan Đảng, Nhà nước, các ủy viên Ban Chấp hành;

3. Chỉ đạo trực tiếp việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Xây dựng, triển khai chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, tiến hành công việc theo chương trình đề ra; chỉ đạo xây dựng báo cáo về tổ chức, hoạt động của Hội theo quy định; thông báo nội dung hoạt động của Hội với các ủy viên Ban Chấp hành và tổ chức Hội trực thuộc;

4. Thực hiện chức năng là Thủ trưởng cơ quan Trung ương Hội, điều hành công việc hàng ngày cơ quan Trung ương Hội. Chỉ đạo hoạt động các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội; phối hợp hoạt động của các ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ, Văn phòng, các ban chuyên môn của Trung ương Hội;

5. Giải quyết công việc khi Chủ tịch vắng mặt, ký các văn bản được Chủ tịch ủy quyền.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phó Chủ tịch

1. Trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm một số lĩnh vực công tác, một số địa phương, ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội do Ban Thường vụ Trung ương Hội phân công; được ký các văn bản thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

2. Đề xuất với Ban Thường vụ và Chủ tịch những vấn đề thuộc chủ trương, nội dung, biện pháp tổ chức triển khai trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

3. Thực hiện những công việc khác do Chủ tịch ủy quyền.

Chương III

NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 9. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, dân chủ, công khai; các vấn đề đưa ra hội nghị đều được thảo luận và quyết định theo đa số; Chủ trì hội nghị kết luận; nghị quyết kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội có hiệu lực thi hành sau khi được tập thể thông qua;

2. Trước khi biểu quyết, các thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Người có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của tập thể, không được nói trái với nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

Điều 10. Chế độ làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường kỳ mỗi năm một lần và họp bất thường khi Ban Thường vụ đề nghị. Ban Thường vụ họp thường kỳ ba tháng một lần và họp bất thường khi cần thiết. Thường trực Trung ương Hội họp thường kỳ mỗi tháng 2 lần, họp bất thường khi cần thiết. Nội dung họp Thường trực do Phó Chủ tịch Thường trực chuẩn bị;

2. Nội dung, chương trình làm việc trong các kỳ họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phải được chuẩn bị kỹ và gửi tài liệu trước ít nhất 5 ngày để các ủy viên nghiên cứu và chuẩn bị ý kiến đóng góp (trừ trường hợp đặc biệt, đột xuất). Khi có những vấn đề cần Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cho ý kiến nhưng không họp được, Thường trực gửi văn bản xin ý kiến trực tiếp từng ủy viên, Thường trực Trung ương Hội thảo luận và quyết định nội dung theo ý kiến đa số;

3. Hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội phải có nghị quyết hoặc thông báo nội dung kỳ họp bằng văn bản;

4. Khi triển khai nhiệm vụ liên quan đến các ban, các ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thì các bộ phận, cá nhân có liên quan phối hợp giải quyết thống nhất, vấn đề còn vướng mắc xin ý kiến quyết định của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực đó;

5. Các ủy viên Ban Chấp hành giữ đúng kỷ luật phát ngôn, nói và làm theo nghị quyết;

6. Hàng năm, các ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ báo cáo đánh giá kết quả hoạt động, tự phê bình và phê bình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước đơn vị mình công tác.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 11. Đối với Đảng, Nhà nước

Ban Chấp hành Trung ương Hội chịu sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 12. Đối với các bộ, ban, ngành và lãnh đạo địa phương

Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Thường vụ chấp hành sự quản lý Nhà nước của các bộ, ngành theo luật định; thực hiện sự phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức liên quan và cấp ủy, chính quyền địa phương về tổ chức, hoạt động, phát triển Hội theo chương trình công tác đã đề ra.

Điều 13. Đối với Ban Chấp hành, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi các tỉnh, thành phố

1. Thông qua việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện của các ủy viên Ban Chấp hành tỉnh, thành phố; Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội chỉ đạo, định kỳ kiểm tra hoạt động của tổ chức Hội địa phương, nắm tình hình tổ chức và hoạt động; hướng dẫn việc sơ kết, tổng kết;

2. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và các vấn đề đột xuất ở địa phương về công tác Hội với Ban Thường vụ và Thường trực Trung ương Hội.

Điều 14. Đối với cơ quan Trung ương Hội

Ban Thường vụ Trung ương Hội lập các cơ quan tham mưu, giúp việc: Văn phòng, các ban và đơn vị trực thuộc Trung ương Hội hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và quy chế của các cơ quan, đơn vị này và Quy chế của Trung ương Hội. Chịu sự quản lý và điều hành của Thường trực Trung ương Hội.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Các ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội, ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương Hội có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy chế này.

Điều 16. Quy chế này đã được Ban Chấp hành Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam khoá V thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, quyết định.

Văn phòng Trung ương Hội phối hợp với Ban Tổ chức - Kiểm tra Trung ương Hội giúp Ban Chấp hành Trung ương Hội theo dõi việc thực hiện Quy chế./. *vtb*

Nơi nhận:

- Ban Dân vận TW Đảng (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Các Ủy viên Ban Chấp hành TW Hội;
- BDD, Hội NCT các tỉnh, thành phố;
- Các ban, Văn phòng TW Hội;
- Các đơn vị trực thuộc TW Hội;
- Lưu VT TW Hội.

**TM. BAN CHẤP HÀNH TW HỘI
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hải Chuyền